SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN DƯƠNG; 16/10/2026; 9:38:39 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2026

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG MỚI

Số: 1012/GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu và kết cấu thép Hưng Thịnh Phát.

Mã số doanh nghiệp: 0201559172.

Địa chỉ: Số 9/274 Lạch Tray, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Nội dung cấp phép:

- Được phép xây dựng các công trình: thuộc Dự án Xây dựng trung tâm đào tạo, hướng nghiệp cho người lao động.

- Theo quy hoạch: Quyết định số 2255a ngày 30/8/2023 của UBND huyện An Dương về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Xây dựng trung tâm đào tạo, hướng nghiệp cho người lao động tại xã Bắc Sơn , huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Văn bản số: 628/TĐ-PCCC ngày 01/07/2026 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Hải Phòng về việc thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy.

- Giấy phép môi trường số1221/GPMT-UBND ngày 16/04/2024 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương.

- Theo thiết kế Công ty CP tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Thuận Thiên; Đơn vị thẩm tra: Công ty CP xây dựng và phát triển đô thị Đại Nam.

- Đơn vị thẩm định thiết kế: Công ty TNHH kiến trúc Hải Phòng (Theo văn bản số 19/BCTĐ-KTHP ngày 02/7/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt Dự án: Xây dựng trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho người lao động).

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất 2192, tờ bản đồ số: 18, tổ dân phố Nam Hà, phường An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất: 64003,5 m2.

+ Cốt xây dựng: Theo quy hoạch được phê duyệt.

+ Khoảng lùi: không.

+ Mật độ xây dựng; hệ số sử dụng đất: theo Quyết định số 2255a ngày 30/8/2023 của UBND huyện An Dương.

+ Chỉ giới đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch được phê duyệt.

* Số công trình được cấp phép gồm:

2.1. Kho chứa sản phẩm hoàn thành sau thực hành 03:

- Diện tích xây dựng: 1.442,35 m2.

- Tổng diện tích sàn: 1.442,35 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 13,43m. Trong đó: Chiều cao nhà 10,70m; chiều cao mái: 1,48m; Cốt nền cao 0,25m so với cốt sân hoàn thiện.

2.2. Xưởng thực hành số 01:

- Diện tích xây dựng: 2.375,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 2.375,00 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 9,91m. Trong đó: Chiều cao nhà 8,00m; chiều cao mái: 1,66m; Cốt nền cao 0,25m so với cốt sân hoàn thiện.

2.3. Xưởng thực hành số 02:

- Diện tích xây dựng: 1.129,32 m2.

- Tổng diện tích sàn: 1.129,32 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 15,09m. Trong đó: Chiều cao nhà 10,58m; chiều cao mái: 4,26m; Cốt nền cao 0,25m so với cốt sân hoàn thiện.

2.4. Kho chứa nguyên liệu 01:

- Diện tích xây dựng: 2.375,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 2.375,00 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 9,91m. Trong đó: Chiều cao nhà 8,00m; chiều cao mái: 1,66m; Cốt nền cao 0,25m so với cốt sân hoàn thiện.

2.5. Kho chứa nguyên liệu 02:

- Diện tích xây dựng: 2.000,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 2.000,00 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 12,61m. Trong đó: Chiều cao nhà 10,70m; chiều cao mái: 1,66m; Cốt nền cao 0,25m so với cốt sân hoàn thiện.

2.6. Xưởng thực hành tổng hợp 02:

- Diện tích xây dựng: 3.056,80 m2.

- Tổng diện tích sàn: 3.056,80 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 15,18m. Trong đó: Chiều cao nhà 12,20m; chiều cao mái: 2,73m; Cốt nền cao 0,25m so với cốt sân hoàn thiện.

2.7. Khu ký túc xá:

- Diện tích xây dựng: 780,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 2.340,00 m2.

- Số tầng: 03.

- Chiều cao công trình: 11,85m. Trong đó: Chiều cao tầng 1,2,3: 3,60m; chiều cao mái: 0,60m; Cốt nền cao 0,45m so với cốt sân hoàn thiện.

2.8. Kho dụng cụ:

- Diện tích xây dựng: 408,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 408,00 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 6,10m. Trong đó: Chiều cao nhà 4,20m; chiều cao mái: 1,60m; Cốt nền cao 0,30m so với cốt sân hoàn thiện.

2.9. Nhà vệ sinh:

- Diện tích xây dựng: 96,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 96,00 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 4,30m. Trong đó: Chiều cao nhà 3,60m; chiều cao mái: 0,50m; Cốt nền cao 0,20m so với cốt sân hoàn thiện.

2.10. Khu xử lý nước thải:

- Diện tích xây dựng: 140,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 140,00 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 4,30m. Trong đó: Chiều cao nhà 3,50m; chiều cao mái: 0,40m; Cốt nền cao 0,40m so với cốt sân hoàn thiện.

2.11. Nhà điện và trạm biến áp:

- Nhà điện có diện tích xây dựng khoảng 48,488m2. Khu sân đặt trạm biến áp có diện tích 80,272m2.

- Tổng diện tích xây dựng: 128,76 m2.

- Số tầng: 01.

- Chiều cao công trình: 3,95m. Trong đó: Chiều cao nhà 3,50m; chiều cao mái: 0,20m; Cốt nền cao 0,20m so với cốt sân hoàn thiện. Khu sân đặt trạm biến áp xây tường bao xung quanh cao 2,0m.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 07496977 do Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/4/2026.

4. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: 24 tháng kể từ ngày khởi công.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Phòng XDNNMT;
- Tổ dân phố: Nam Hà;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trần Dương

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng, về phòng cháy chữa cháy, về giao thông, Giấy phép xây dựng này và các quy định khác có liên quan.

3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.

4. Xuất Trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:12 tháng kể từ ngày ký.

An Dương, ngày ... tháng ... năm 20.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH